

Số: 371/2021/QĐST-HNGĐ

Gò Vấp, ngày 13 tháng 04 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ các Điều 397, 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 66/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2021 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Ông Nguyễn Trường L, sinh năm 1983; địa chỉ: Số x đường A, Phường B, quận C, Thành phố H.

Và bà Tạ Thị Hồng T, sinh năm 1988.

Địa chỉ thường trú: Số xx đường D, Phường E, quận Bình F, Thành phố H.

Địa chỉ tạm trú: xxx, tổ x, Khu phố 2, chung cư S KĐ, số xxx đường K, phường L, Quận P, Thành phố H.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Hôn nhân giữa ông Nguyễn Trường L và bà Tạ Thị Hồng T là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 76/2015 quyển số 01/2015 đăng ký ngày 14/08/2015 tại Ủy ban nhân dân Phường Q, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ghi ngày 15 tháng 12 năm 2020 và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 05 tháng 04 năm 2021 ông Lâm và bà Thúy yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 01 người con chung: Nguyễn Minh T, sinh ngày 07/08/2016. Hai bên thỏa thuận ông Nguyễn Trường L là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T đến tuổi trưởng thành.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông L và bà T khai không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, ông L và bà T thật sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận về việc (chia hoặc) không chia tài sản chung, việc trông nom, nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con.

Đã hết thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận ông Nguyễn Trường L và bà Tạ Thị Hồng T thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 76/2015 quyển số 01/2015 đăng ký ngày 14 tháng 08 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân Phường Q, Quận S, Thành phố H hết hiệu lực kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Có 01 người con chung tên là: Nguyễn Minh T, sinh ngày 07/08/2016 do ông Nguyễn Trường L là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Bà T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở,

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

2. Về lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) ông Nguyễn Trường L và bà Tạ Thị Hồng T mỗi người phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) nhưng được căn trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) ông L và bà T đã đóng tạm ứng lệ phí theo biên lai thu số: AA/2019/0027835 ngày 18 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp; đương sự đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Thanh Tuyền**

